

Bản án số: 168/2023/HS-ST
Ngày 08-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự

Bà Trương Thị Hiền

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 151/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 747/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/11/1996 tại T, T, Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: trồng trọt; Chức vụ Đảng, Chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bình Chính D, Tri P, T, Cao Bằng; Bố: Lương Văn C, sinh năm 1965; Mẹ: Nông Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: Bình Chính D, T, T, Cao Bằng; Vợ: Nông Thị H1, sinh năm 1997; Con: 02 con, lớn nhất 07 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi; Anh chị em ruột: có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lương Văn D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/3/1997 tại L, T, Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: trồng trọt; Chức vụ Đảng, Chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Răng Rang, L, T, Cao Bằng; Bố: Lương Văn T, sinh năm 1974; Mẹ: Sầm Thị H2, sinh năm 1973, địa chỉ: Răng R, L, T, Cao Bằng; Vợ: Lương Thị L, sinh năm 1997; Con: 01 con, 05 tuổi; Anh chị em ruột:

có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

3. Họ và tên: Nông Hồng T1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/6/2000 tại P, T, Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: trồng trọt; Chức vụ Đảng, Chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Lũng Diêng- L, P, T, Cao Bằng; Bố: Nông Văn C1, sinh năm 1973; Mẹ: La Thị H3, sinh năm 1976, địa chỉ: L- L, P, T, Cao Bằng; Vợ: Lương Thị P1, sinh năm 1999; Con: 01 con, 04 tuổi; Anh chị em ruột: có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn N: Bà Nguyễn Thị T2 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn D và Nông Hồng T1: Bà Lý Thị N1 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lương Thị Lan

Trú tại: Xóm L - L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Bà Lương Thị Phen

Trú tại: Xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 00 phút ngày 28/4/2023, tổ công tác của Đoàn Biên phòng N2, Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C và Công an xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng thực hiện tuần tra, kiểm soát từ khu vực M đến M. Khi đến Mốc 777 thuộc địa phận xóm Đ, xã P, huyện T, tổ công tác phát hiện *Nông Hồng T1* (sinh năm 2000; địa chỉ: xóm L-L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng) và *Lương Văn D* (sinh năm 1997; địa chỉ xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) đang đi bộ từ hướng biên giới Trung Quốc vào Việt Nam có biểu hiện nghi vấn nên ra hiệu lệnh yêu cầu dừng lại để kiểm tra hành chính. Khai thác nhanh, hai đối tượng khai nhận vừa đưa được 05 (năm) người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực M. Tổ công tác đã đưa T1 và D về Đoàn Biên phòng N2 để lập biên bản sự việc.

Mở rộng điều tra, xác định được:

Khoảng 14 giờ ngày 27/4/2023, *Lương Văn N* (sinh năm 1996; địa chỉ xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng) nhận được cuộc gọi qua ứng dụng Wechat của một người đàn ông Trung Quốc không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ thuê N đi đón 05 (năm) người Việt Nam tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đưa đến Mốc 777 hoặc Mốc 778 để vượt biên sang Trung Quốc với tiền công là 1.000CNY (Nhân dân tệ)/người, tương đương khoảng 3.300.000 đồng/người. Vì không biết đường nên N chỉ nhận lời tìm giúp người có thể đưa được người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, N gọi điện thoại cho *Lương Văn D* đặt vấn đề có người thuê đón 05 (năm) người Việt Nam ở thị trấn T đưa đến Mốc 777 hoặc 778 để vượt biên sang Trung Quốc với tiền công là 3.000.000/người. D cho N biết sẽ liên lạc với người ở biên giới để hỏi xem như thế nào sẽ báo lại. Tiếp theo, D gọi qua W cho *Nông Hồng T1* nói rằng có 05 người muốn đến Mốc 777, 778 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công là 15.000.000 đồng, nếu làm được thì chia đôi tiền công. T1 đồng ý nên D gọi cho N thông báo người ở biên giới đã nhận lời, D sẽ cùng người người này đón và đưa người đến biên giới. N liên lạc lại với người đàn ông Trung Quốc thông báo đã tìm được người đưa, đón tại biên giới thì người này yêu cầu đưa người đến Mốc 777, đồng thời bảo N gửi số điện thoại của D để gửi cho lái xe.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, D nhận được điện thoại từ số 0358.070.323 của một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) cho biết đang ở thành phố C, hỏi D đón người ở đâu. D hẹn đón người ở ngã ba đường rẽ vào xã P, huyện T. Khoảng 19 giờ ngày 27/4/2023, D đi xe máy đến vị trí đã hẹn với người lái xe đón được 05 (năm) người Việt Nam gồm 04 (bốn) nữ và 01 (một) nam. D cho họ ẩn nấp vào trong bụi rậm ven đường để chờ T1 đến. Một lúc sau, T1 đi xe máy đến điểm hẹn rồi sau đó T1 điều khiển xe máy Quick, vỏ màu bạc có chữ Dream, biển kiểm soát 98F8-5839 chở 02 (hai) người phụ nữ đi trước, còn D điều khiển xe máy Honda Wawe, màu đen bạc, biển kiểm soát 11K1-149.49 chở 02 (hai) người phụ nữ và 01 (một) người đàn ông đi theo sau đến đầu xóm L-Lũng Rỳ, xã P thì dừng lại cho 05 người xuống xe, ẩn nấp trong bụi rậm rồi cả hai về nhà T1 cất xe máy và quay lại vị trí những người xuất cảnh trái phép đang ẩn nấp. Sau đó, D, T1 tiếp tục đi bộ dẫn đường đưa người đến M.

Trong thời gian này, N nhận được điện thoại của người đàn ông Trung Quốc hỏi người dẫn đường đã đón được người chưa, dặn khi đi đến Mốc 777 thì cho người chui qua cổng nước để sang Trung Quốc, sẽ có người chờ đón, khi giao người phải quay V lại gửi cho người này. N gọi điện cho D để nhắn những nội dung người Trung Quốc dặn và hỏi đã đón được người chưa thì được D cho biết đã đưa người đến làng L- L, đang chuẩn bị đưa người đi bộ theo đường mòn đến Mốc 777.

Đến khoảng 23 giờ ngày 27/4/2023, T1 và D dẫn 05 người đến M. Cả hai cho người chui qua công nước để sang Trung Quốc và tiếp tục dẫn đường đưa họ đi bộ thêm khoảng 100 mét nữa đến đường chính thì gặp 01 người đàn ông Trung Quốc chờ đón người. D nói chuyện với người này bằng tiếng Nùng về việc giao người, sau đó người này gọi điện thoại cho xe ô tô đến đón người. Khi xe đến, D và T1 cho 05 (năm) người lên xe ô tô, có dùng điện thoại để quay lại. Xong việc, cả hai đi bộ theo đường cũ quay về Việt Nam. Đến khoảng 01 giờ 00 ngày 28/4/2023, khi đến xóm Đ, xã P, huyện T thì D và T1 bị lực lượng chức năng phát hiện. Trong lúc lực lượng biên phòng sơ hở, D mở điện thoại di động xóa hết các video quay lại việc giao người vừa thực hiện, còn điện thoại của T1 vẫn lưu các Video đã quay. Sau đó cả hai bị đưa về Đồn biên phòng N2 để lập biên bản sự việc và được cho về nhà. Về phía N, khoảng 09 giờ ngày 28/4/2023, được người thuê chuyển vào tài khoản của N mở tại Ngân hàng Đ chi nhánh C2 số tiền 18.700.000 đồng. N đã chuyển 15.000.000 đồng vào tài khoản của D. Sau đó D đã đưa lại cho T1 số tiền 8.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lương Văn N đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép. Hành vi của các bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Tại Bản cáo trạng số 106/CT-VKSCB-P1, ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lương Văn N về tội Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố là đúng, không có ý kiến gì thắc mắc.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy tố đối với bị cáo Lương Văn N về tội “*Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự; các bị cáo Hoàng Văn T5, Nông Văn S về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Bị cáo Lương Văn N phạm tội “*Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép*”; Các bị cáo Hoàng Văn T5, Nông Văn S phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn N, đề nghị xử phạt từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn D. Đề nghị xử phạt 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Hồng T1. Đề nghị xử phạt 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu số tiền 3.700.000 đồng đối với bị cáo Lương Văn N, số tiền 7.000.000 đồng đối với Lương Văn D, số tiền 8.000.000 đồng đối với Nông Hồng T1.

(Xác nhận người nhà của bị cáo Lương Văn N đã nộp số tiền 3.700.000 đồng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại K Nhà nước tỉnh Cao Bằng theo Giấy nộp tiền ngày 31/7/2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3. Người nhà của bị cáo Lương Văn D nộp số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính theo biên lai số 0004232 ngày 08/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng).

Đồng thời, đề nghị hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 217/LPT-ANĐT ngày 05/7/2023 của Cơ quan an ninh điều tra đối với Lương Văn D và Lệnh phong tỏa tài khoản số 218/LPT-ANĐT ngày 05/7/2023 của Cơ quan an ninh điều tra đối với Nông Hồng T1. Bị cáo Lương Văn D phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng và số tiền này được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng trong tài khoản. Bị cáo Nông Hồng T1 được khấu trừ vào số tiền 2.300.000 đồng trong tài khoản và phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 5.700.000 đồng.

-Tịch thu đối với bị cáo Lương Văn D 1/2 giá trị chiếc xe moto BKS: 11K1-149.49, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE màu sơn: Đen, bạc, dung tích xi lanh: 109, số khung: RLHJA3925MY005015, số máy: JA39E2119811, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2021, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu bên phải, vỏ xe có

hiều vết trầy xước đã cũ). Kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe trên cho bà Lương Thị L.

-Tịch thu đối với bị cáo Nông Hồng T1 1/2 giá trị chiếc xe moto Biển kiểm soát: 98F8-5839, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu QUICK, số loại: 100, màu sơn: Nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: LWGXCGL2Y1086069, số máy: LC1P50FMG200219069, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2000, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có yếm, gương chiếu hậu, vỏ đã được đổi sang màu bạc, có nhiều vết trầy xước đã cũ). Kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe trên cho bà Lương Thị P1.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO S1, mặt sau đa sắc, đã qua sử dụng của bị cáo Lương Văn N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 2020, mặt sau màu trắng, đã qua sử dụng của bị cáo Lương Văn D.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, mặt sau màu hồng nhạt, đã qua sử dụng.

-Trả lại bị cáo Nông Hồng T1 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5s, mặt sau màu đỏ, đã qua sử dụng nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Trợ giúp pháp lý trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lương Văn N: Nhất trí với cáo trạng truy tố, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội; do bị cáo sinh sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo phạm tội một phần do hoàn cảnh kinh tế, là lao động chính trong gia đình, chưa nhận thức đầy đủ về hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra, bị cáo đã tác động người nhà tự nguyện nộp khoản tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội là 3.700.000 đồng, nên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về xử

lý vật chứng: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326 về Án phí và công văn giải đáp của Tòa án nhân tối cao số 206 ngày 27/12/2022 đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Trợ giúp pháp lý trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Lương Văn D và Nông Hồng T1: Nhất trí với cáo trạng truy tố, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội; do các bị cáo sinh sống ở khu vực biên giới có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo phạm tội một phần do hoàn cảnh kinh tế, chưa nhận thức đầy đủ về hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các bị cáo chỉ tham gia là người giúp sức, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lương Văn D đã tác động người nhà nộp một phần số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tích cực hợp tác với cơ quan điều tra” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, qua nghiên cứu hồ sơ trong biên bản ghi lời khai của các bị cáo thể hiện, bị cáo Nông Hồng T1 đã khai ra đồng phạm là D, bị cáo D khai ra đồng phạm là Lương Văn N. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Về xử lý vật chứng: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326 về Án phí và công văn giải đáp của Tòa án nhân tối cao số 206 ngày 27/12/2022 đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo không bổ sung lời bào chữa của trợ giúp pháp lý, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm đón đưa người xuất cảnh, số lượng người xuất cảnh trái phép, số tiền công được trả cũng như động cơ mục đích thực hiện hành vi phạm tội; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Vì vụ lợi, ngày 27/4/2023, Lương Văn N đã có hành vi môi giới, Lương Văn D và Nông Hồng T1 có hành vi tổ chức cho 05 (năm) người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực Mốc 777 thuộc địa phận xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng để hưởng lợi số tiền 18.700.000 đồng. Trong đó, Lương Văn N được hưởng lợi 3.700.000 đồng, Lương Văn D được hưởng lợi 7.000.000 đồng, Nông Hồng T1 được hưởng lợi 8.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lương Văn N đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đánh giá vai trò đồng phạm đối với tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép: Trong vụ án này, các bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, sau khi được sự môi giới của bị cáo Lương Văn N, thì bị cáo D và T1 đã trực tiếp chở người có nhu cầu xuất cảnh trái phép theo hướng dẫn của bị cáo N. Các bị cáo có vai trò ngang nhau, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc các bị cáo tự ý môi giới, đưa các công dân xuất cảnh sang Trung Quốc, không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn

đề an ninh trật tự phức tạp. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích để được hưởng lợi về kinh tế, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục, phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm qua đó phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Lương Văn N tác động người nhà tự nguyện nộp số tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội, bị cáo Lương Văn D tác động người nhà nộp một phần số tiền hưởng lợi là 2.000.000 đồng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý về áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Qua xem xét các biên bản lấy lời khai đối với các bị cáo theo trình tự, diễn biến vụ án, qua khai thác của lực lượng chức năng thì bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 mới khai ra thông tin của đồng phạm. Do đó, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, đồng thời không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định bị cáo Lương Văn N có hành vi phạm tội Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét, quyết định hình phạt hợp lý.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần phải truy thu số tiền 3.700.000 đồng đối với bị cáo Lương Văn N, số tiền 7.000.000 đồng đối với Lương Văn D, số tiền 8.000.000 đồng đối với Nông Hồng T1.

(Xác nhận người nhà của bị cáo Lương Văn N đã nộp số tiền 3.700.000 đồng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại K Nhà nước tỉnh Cao Bằng theo Giấy nộp tiền ngày 31/7/2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3. Người nhà của bị cáo Lương Văn D nộp số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính theo biên lai số 0004232 ngày 08/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng).

Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản. Do đó, cần hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 217/LPT-ANĐT ngày 05/7/2023 của Cơ quan an ninh điều tra đối với Lương Văn D và Lệnh phong tỏa tài khoản số 218/LPT-ANĐT ngày 05/7/2023 của Cơ quan an ninh điều tra đối với Nông Hồng T1. Bị cáo Lương Văn D phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng và số tiền này được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng trong tài khoản. Bị cáo Nông Hồng T1 được khấu trừ vào số tiền 2.300.000 đồng trong tài khoản và phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 5.700.000 đồng.

- Tịch thu đối với bị cáo Lương Văn D 1/2 giá trị chiếc xe moto BKS: 11K1-149.49, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE màu sơn: Đen, bạc, dung tích xi lanh: 109, số khung: RLHJA3925MY005015, số máy: JA39E2119811, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2021, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu bên phải, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ). Kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe trên cho bà Lương Thị L.

-Tịch thu đối với bị cáo Nông Hồng T1 1/2 giá trị chiếc xe moto Biển kiểm soát: 98F8-5839, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu QUICK, số loại: 100, màu sơn: Nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: LWGXCG2Y1086069, số máy: LC1P50FMG200219069, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2000, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có yếm, gương chiếu hậu, vỏ đã được đổi sang màu bạc, có nhiều vết trầy xước đã cũ). Kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe trên cho bà Lương Thị P1.

- Cần tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với các tài sản do các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO S1, mặt sau đa sắc, đã qua sử dụng của bị cáo Lương Văn N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 2020, mặt sau màu trắng, đã qua sử dụng của bị cáo Lương Văn D.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, mặt sau màu hồng nhạt, đã qua sử dụng của bị cáo Nông Hồng T1.

- Trả lại cho bị cáo Nông Hồng T1 đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5s, mặt sau màu đỏ, đã qua sử dụng, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lương Văn N phạm tội “*Môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Các bị cáo Lương Văn D, Nông Hồng T1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn N, xử phạt 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/4/2023.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn D, xử phạt 05 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/4/2023.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Hồng T1, xử phạt 05 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/4/2023.

2. Về biện pháp cưỡng chế:

Căn cứ khoản 2 Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 217/LPT-ANĐT ngày 05/7/2023 của Cơ quan an ninh điều tra đối với Lương Văn D và Lệnh phong tỏa tài khoản số 218/LPT-ANĐT ngày 05/7/2023 của Cơ quan an ninh điều tra đối với Nông Hồng T1.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Truy thu số tiền 3.700.000 đồng đối với bị cáo Lương Văn N, số tiền 7.000.000 đồng đối với Lương Văn D, số tiền 8.000.000 đồng đối với Nông Hồng T1.

(Xác nhận người nhà của bị cáo Lương Văn N đã nộp số tiền 3.700.000 đồng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại K Nhà nước tỉnh Cao Bằng theo Giấy nộp tiền ngày 31/7/2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C3. Người nhà của bị cáo Lương Văn D nộp số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính theo biên lai số 0004232 ngày 08/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng).

Bị cáo Lương Văn D phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng và số tiền này được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng trong tài khoản. Bị cáo Nông Hồng T1 được khấu trừ vào số tiền 2.300.000 đồng trong tài khoản và phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 5.700.000 đồng.

- *Tịch thu phát mại sung vào công quỹ Nhà nước:* 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS: 11K1-149.49, loại xe: Hai bánh từ 50- 175cm³, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE, màu sơn: Đen bạc, dung tích xi lanh: 109, số khung: RLHJA3925MY005015, số máy: JA39E2119811, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2021, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có gương chiếu hậu bên phải, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ). Kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 12/7/2023 của Phòng C4 Công an tỉnh C.

Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nêu trên cho bà Lương Thị L (Trú tại: Xóm L - L, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng).

- *Tịch thu phát mại sung vào công quỹ Nhà nước:* 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS: 98F8-5839, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu QUICK, số loại: 100, màu sơn: Nâu, dung tích xi lanh: 97, số khung: LWGXCG2Y1086069, số máy: LC1P50FMG200219069, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất 2000, xe cũ đã qua sử dụng (xe không có yếm, gương chiếu hậu, vỏ đã được đổi sang màu bạc, có nhiều vết trầy xước đã cũ). Kèm theo 01 chìa khóa xe máy. Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 12/7/2023 của Phòng C4 Công an tỉnh C.

Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nêu trên cho bà Lương Thị P1 (Trú tại: Xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng).

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với các tài sản do các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO S1, mặt sau đa sắc, đã qua sử dụng của bị can Lương Văn N vụ án Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép xảy ra tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 28/4/2023”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5 2020, mặt sau màu trắng, đã qua sử dụng của bị can Lương Văn D trong vụ án Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép xảy ra tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 28/4/2023”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A57 được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A57, mặt sau màu hồng nhạt, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5s, mặt sau màu đỏ, đã qua sử dụng của bị can Nông Hồng T1 trong vụ án Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép xảy ra tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 28/4/2023”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

- Trả lại bị cáo Nông Hồng T1: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5s được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A57, mặt sau màu hồng nhạt, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5s, mặt sau màu đỏ, đã qua sử dụng của bị can Nông Hồng T1 trong vụ án Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép xảy ra tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 28/4/2023”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 11 ngày 13 tháng 10 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Văn N, Lương Văn D, Nông Hồng T1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi nhận trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na

